

ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM MỸ THUẬT TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Nguyễn Đắc Nguyễn¹ và Huỳnh Mộng Tuyền^{2*}

¹Khoa Sư phạm Nghệ thuật, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: huynhmongtuyen010@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 20/3/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 25/4/2023; Ngày duyệt đăng: 08/5/2023

Tóm tắt

Động lực học tập tích cực bên trong sinh viên càng lớn thì thành quả học tập càng cao. Động lực học tập có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển các phẩm chất, năng lực nghề của sinh viên. Bài báo hệ thống hóa cơ sở lý luận về động lực học tập của sinh viên. Khảo sát làm rõ thực trạng động lực học tập của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Đồng Tháp về nhận thức tầm quan trọng của động lực học tập, các loại động lực học tập của sinh viên, biểu hiện của các động lực học tập, các nguyên nhân ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên. Những luận cứ lý luận và thực tiễn để làm cơ sở cho đề xuất 5 biện pháp tạo động lực học tập cho sinh viên Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Đồng Tháp.

Từ khóa: Động lực học tập, sinh viên, sư phạm mỹ thuật.

LEARNING MOTIVATION OF FINE ARTS STUDENTS IN DONG THAP UNIVERSITY

Nguyen Dac Nguyen¹ and Huynh Mong Tuyen^{2*}

¹Faculty of Art Teacher Education, Dong Thap University, Vietnam

²Faculty of Social Sciences Teacher Education, Dong Thap University, Vietnam

*Corresponding author: huynhmongtuyen010@gmail.com

Article history

Received: 20/3/2023; Received in revised form: 25/4/2023; Accepted: 08/5/2023

Abstract

The more inner learning motivation students have, the better academic-achievements they will get. Learning motivation plays an essential role in developing students' professional qualities and competencies. This article systematizes the theoretical background on students' learning motivation and clarifies the current status of learning motivation among students majoring in Fine Arts in Dong Thap University in terms of an awareness of learning motivation, types, expressions, and factors affecting learning motivation. Finally, the article presents the theoretical and practical arguments as the background for proposing five effective measures to create learning motivation for students majoring in Fine Arts in Dong Thap University.

Keywords: Fine Arts, learning motivation, students.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.4.2023.1057>

Trích dẫn: Nguyễn, Đ. N., & Huỳnh M. T. (2023). Động lực học tập của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(4), 45-51. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.4.2023.1057>.

1. Đặt vấn đề

Động lực học tập của sinh viên (SV) nói chung và SV Sư phạm Mỹ thuật nói riêng giữ vai trò rất quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo, uy tín của trường đại học. Động lực học tập của SV sẽ được phát triển tốt nếu có biện pháp hữu hiệu để phát huy. Càng có động lực tốt đẹp thôi thúc, SV càng có nghị lực lớn vượt qua mọi khó khăn để đạt được thành quả cao trong học tập và nghề nghiệp. Bởi vì, “Động lực là nguồn gốc cung cấp năng lượng thôi thúc giúp cá nhân phấn đấu vươn lên” (Phạm, 2003); “Động lực học tập là cái thúc đẩy người học nỗ lực học tập, vượt mọi trở ngại, đạt hiệu quả cao (Nguyễn, 2021). Đặc biệt, Daniel H. Pink xem động lực như bánh lái đóng vai trò chèo lái hành vi con người đến thành công, hạnh phúc (Pink, 2022). Thế nhưng, thực trạng hiện nay vẫn còn SV chưa có động lực học tập tốt. Động lực học tập của SV còn phụ thuộc vào yếu tố bên ngoài, chưa học tập bằng nhu cầu, hứng thú, đam mê nghề nghiệp. Cho nên, nghiên cứu xác định những luận cứ khoa học, khảo sát làm rõ thực trạng để làm cơ sở cho đề xuất các biện pháp tạo động lực học tập cho SV Sư phạm Mỹ thuật có ý nghĩa cấp thiết, đột phá trong nâng cao chất lượng, thương hiệu đào tạo của Trường Đại học Đồng Tháp.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận về động lực học tập của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật

2.1.1. Động lực học tập của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật

Động lực học tập là những yếu tố thúc đẩy SV tiến hành hoạt động nhằm thoả mãn những nhu cầu, đạt mục tiêu học tập. Theo Nguyễn & Nguyễn (2012): Động lực là sự khát khao và tự nguyện của con người nhằm tăng cường sự nỗ lực để đạt được mục đích hay một kết quả cụ thể. Đỗ, Lâm & Nguyễn (2016) cho rằng, động lực học tập là “trạng thái nội tâm lâu dài giúp HS duy trì hứng thú và ham muốn tìm tòi, học hỏi, vượt qua những trở ngại”, sống với những giấc mơ của mình. Theo Phan (2020) “động lực” chính là những yếu tố bên trong và bên ngoài, có tác động thúc đẩy con người hành động nhằm đạt được mục tiêu xác định. Động lực học tập đúng đắn giúp người học phát huy tối đa sức mạnh nội lực, tranh thủ ngoại lực, tạo phương hướng cho sự phát triển tối ưu nhân cách. Những người không thể tự tìm động lực hoạt động sẽ phải hài lòng với sự bình thường. Vì vậy, động lực càng lớn, nghị lực

càng cao, thành quả học tập càng mỹ mãn, học tập thật sự hạnh phúc. Kết quả cuối cùng của giáo dục không chỉ ở kiến thức, kỹ năng người học đạt được mà quan trọng hơn là hình thành ở họ nhu cầu, hứng thú, động lực học tập tích cực. Kiến thức là vô tận, sẽ lạc hậu, mất đi nhưng nếu người học có nhu cầu, hứng thú, động lực học tập sẽ còn mãi sự học hỏi, còn mãi sự phát triển nhân cách. Cho nên, nhu cầu, hứng thú, động lực học tập tốt là kết quả cuối cùng, kết quả của mọi kết quả học tập, quyết định sự phát triển bền vững nhân cách người học. Hơn nữa, ngành mỹ thuật là thuộc nghệ thuật, thiên về quy luật tình cảm. Nên SV học bằng xúc cảm, tình cảm nhiều hơn học bằng ý chí. Nghệ thuật dạy học kích bầy nhu cầu, xúc cảm, tình cảm tạo động lực học tập như là đặc thù SV ngành Mỹ thuật. Có thể nói, động lực học tập của SV là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả học tập, chất lượng đào tạo, thương hiệu của trường đại học.

2.1.2. Tạo động lực học tập của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật

Dựa vào những cơ sở khác nhau, các nhà nghiên cứu chia động lực học tập thành nhiều loại: Động lực bên trong (niềm tin, tình cảm, nhu cầu, lý tưởng, hứng thú, say mê...) và động lực bên ngoài (kinh tế, xã hội...); Động lực cá nhân (vì mục tiêu, lợi ích cá nhân) và động lực xã hội (vì lợi ích xã hội); Động lực kết quả (kết quả thúc đẩy cá nhân hoạt động) và động lực quá trình (thoả mãn nhu cầu trải nghiệm thực hiện quá trình học tập). Theo Pink (2008) chia động lực thành 3 loại: Động lực dựa trên đáp ứng các nhu cầu căn bản, động lực dựa trên điều kiện “nếu - thì”, động lực tự thân...

Tạo động lực là quá trình sử dụng các biện pháp, các kỹ thuật tác động để kích thích hệ thống động cơ học tập, làm chuyển hóa những kích thích bên ngoài thành động lực tâm lý bên trong, thúc đẩy SV tích cực học tập. Động lực học tập có thể hình thành bắt đầu từ bên trong bản thân người học do năng khiếu, nhu cầu, hứng thú học tập cao (nội lực) khi được những kích thích yếu tố bên ngoài (ngoại lực) làm trở dậy sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển cao của nhân cách. Nhưng động lực có thể bắt đầu từ yếu tố kích thích bên ngoài nhưng dần dần chuyển hóa vào bên trong của những nhu cầu, hứng thú, say mê học tập. Động lực của người học được phát triển theo chiều hướng ổn định, tích cực nếu được giáo dục, tự giáo dục tốt và ngược lại.

Có rất nhiều yếu tố chủ quan, khách quan chi phối quá trình hình thành phát triển động lực học tập: các yếu tố thuộc về người học (nhu cầu, ước muốn, hứng thú, đặc điểm tính cách, năng lực...); các yếu tố thuộc về hoạt động học tập (mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và đánh giá kết quả học tập); các yếu tố thuộc về môi trường học tập (các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ học tập như phòng học, cách sắp xếp lớp học, phương tiện học tập... (Nguyễn, 2021). Trong đó, những yếu tố tâm lý như (xúc cảm, tình cảm, hứng thú, năng khiếu, ý chí, đặc biệt là nhu cầu) giữ vai trò quyết định. Những đối tượng có giá trị tác động đến SV sẽ kích thích nhu cầu, tạo động lực thúc đẩy hoạt động học tập. Tài đức, vai trò của giảng viên (GV) trong đổi mới phương pháp, hình thức, đánh giá kết quả học tập, tạo môi trường học tập giữ vai trò chủ đạo, then chốt. Khi người học chưa có nhu cầu cao, GV cần khai thác, phát huy các thành tố của quá trình dạy học khoa học, nghệ thuật để kích cầu, khơi dậy, phát huy nội lực, dần dần chuyển hóa động lực học tập bên ngoài thành động lực bên trong người học. Khi SV thật sự yêu thích, say mê học tập, rèn luyện sẽ có nghị lực lớn vượt qua khó khăn tạo nên sản phẩm học tập chất lượng cao, sáng tạo đặc biệt. Càng có sức mạnh nội lực thúc đẩy, SV sẽ càng tích cực, độc lập, sáng tạo trong học tập, rèn luyện càng phát triển hoàn thiện các phẩm chất và năng lực nghề.

Bảng 1. Mức độ quan trọng của động lực học tập của sinh viên

TT	Nội dung	Mức độ		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Nội dung học tập khoa học, hiện đại	2,97	0,70	1
2	Điều kiện, phương tiện, môi trường học tập tốt	3,05	0,71	2
3	Động lực học tập bên trong bản thân	3,23	0,59	3
4	Tổ chức kiểm tra, thi để đạt điểm cao	3,52	0,97	4
5	Vai trò chủ đạo của giảng viên trong tổ chức dạy học hiệu quả	4,18	0,99	5

Năm nội dung của bảng khảo sát đều được SV xác định có vai trò quan trọng trong việc tạo nên kết quả học tập. Trong đó, các yếu tố bên ngoài, khách quan giữ vai trò quan trọng hơn yếu tố bên trong của bản thân SV. Cụ thể như, GV giữ vai trò quan trọng nhất (điểm trung bình 4,18 xếp thứ hạng 5). Việc kiểm tra, thi để đạt điểm cao xếp thứ 2 với điểm trung bình 3,52. Động lực học tập bên trong bản thân SV được xếp mức độ thứ 3 với điểm trung bình 3,23. Kết quả khảo sát đã góp phần cho thấy, SV chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc tầm quan trọng động lực học tập bên

2.2. Thực trạng về động lực học tập của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Đồng Tháp

Tháng 01 đến tháng 03 năm 2023, chúng tôi tiến hành nghiên cứu tất cả SV đại học chính quy, Sư phạm Mỹ thuật của Trường Đại học Đồng Tháp (tuyển sinh năm 2019: 5 SV; năm 2020: 14 SV; năm 2021: 14 SV; năm 2022: 30 SV). Cùng với điều tra thu thập số liệu, thông tin bằng các phiếu hỏi, chúng tôi phỏng vấn, quan sát, nghiên cứu sản phẩm hoạt động học tập của SV. Số liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học để tính điểm trung bình, xếp thứ hạng. Trong đó, điểm trung bình được quy ước chia theo 5 mức độ (từ 1 đến 5) như sau: + Mức 5: Từ 4,21-5,00: Cao nhất/ rất nhiều; + Mức 4: Từ 3,41-4,20 (Khá cao/ nhiều); + Mức 3: Từ 2,61-3,40 (bình thường/ảnh hưởng); + Mức 2: Từ 1,81-2,60 (thấp/ít); + Mức 1: Từ 1-1,8 (rất thấp/không). Thứ hạng xếp theo giá trị điểm trung bình từ thấp đến theo các nội dung khảo sát. Mức 1 là thấp nhất.

2.2.1. Nhận thức tầm quan trọng của động lực học tập của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật

Càng nhận thức, ý thức được tầm quan trọng động lực học tập, SV càng có động lực học tập tốt. Thực trạng này được quan tâm nghiên cứu và số liệu thống kê được trình bày Bảng 1 như sau:

trong, sức mạnh nội lực trong việc tạo nên hiệu quả học tập mà còn phụ thuộc nhiều vào GV và thi cử. Do đó, quá trình giáo dục, đào tạo, SV cần được nâng cao nhận thức, ý thức về tầm quan trọng, vai trò đặc biệt của nội lực - động lực bên trong tạo nên hiệu quả học tập, sự phát triển bền vững các phẩm chất nghề nghiệp của SV.

2.2.2. Thực trạng các động lực học tập của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật

Nghiên cứu rõ thực trạng mức độ các loại động

lực chi phối hoạt động học tập của SV sẽ có cơ sở vững chắc cho GV giáo dục, chuyên hóa động lực học tập tích cực ở SV. Thực trạng vấn đề này được nghiên cứu và thể hiện Bảng 2 sau:

Bảng 2. Mức độ các động lực chi phối hoạt động học tập của sinh viên

TT	Nội dung	Mức độ		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Trở thành giáo viên dạy mỹ thuật tốt	3,82	0,98	5
2	Nhận được học bổng, được khen, thưởng	3,25	0,67	1
3	Điểm cao, bằng cấp tốt	4,08	0,93	7
4	Việc làm tốt khi ra trường	4,15	0,99	8
5	Hứng thú, yêu thích, đam mê học tập để phát triển năng lực, phẩm chất nghề	3,69	0,88	2
6	Cố gắng học giỏi để sau này luyện thi về chuyên môn mỹ thuật, thêm thu nhập	3,77	0,97	4
7	Chứng tỏ mình có khả năng học tập, được tôn trọng, tín nhiệm	3,95	0,89	6
8	Học để cha mẹ vui lòng	3,72	0,71	3
9	Yếu tố khác.....			

Số liệu nghiên cứu Bảng 2 cho thấy, các động lực chi phối hoạt động học tập của SV đều ở mức trung bình khá. Độ lệch chuẩn thấp (0,71- 0,99) chứng tỏ các ý kiến có sự tập trung cao. Những yếu tố có tác động lớn nhất đến hoạt động học tập của SV là việc làm khi ra trường (4,15) thành tích học tập, điểm số, bằng cấp (4,08), được tôn trọng, tín nhiệm (3,95), học có năng lực để kiếm thêm thu nhập (3,77), học để làm vui lòng cha mẹ (3,72). Trong khi đó các yếu tố thuộc nội lực, động lực bên trong SV, có tác động thấp (3,69) xếp thứ hạng 2 đối với hoạt động học tập của SV. Kết quả trên cho thấy, các yếu tố thúc đẩy việc học tập của SV phần lớn là những yếu tố bên

ngoài (việc làm, điểm, tôn vinh, vui lòng cha mẹ....). Các yếu tố bên trong (hứng thú, yêu thích, đam mê học tập) chi phối hoạt động học tập của SV thấp hơn. Vì vậy, SV cần được giáo dục, phát huy nội lực, đặc biệt là hứng thú, yêu thích, đam mê học tập, rèn luyện phát triển tốt các phẩm chất, năng lực nghề.

2.2.3. Thực trạng các mức độ biểu hiện động lực học tập của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật

Động lực học tập của SV biểu hiện phong phú trong quá trình trải nghiệm hoạt động học tập. Để rõ hơn động lực học tập bên trong của SV, chúng tôi tiến hành khảo sát và kết quả thu được thể hiện ở Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Mức độ biểu hiện của các động lực học tập của sinh viên

TT	Nội dung	Mức độ		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Mức độ tham dự học trên lớp theo thời khóa biểu	4,15	0,74	6
2	Chủ động nghiên cứu đề cương học phần và thực hiện các yêu cầu tự học và trên lớp	3,07	0,64	3
3	Tích cực, xung phong thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ học tập	3,00	0,67	2
4	Tìm hiểu thông tin, mở rộng hiểu biết, tự thực hành thêm so với yêu cầu GV	2,51	0,37	1
5	Chủ động học hỏi (hỏi thầy, hỏi bạn, hỏi những người có chuyên môn...)	3,16	0,56	5
6	Luôn có năng lượng tích cực, hứng thú, say mê trong học tập	3,08	0,64	4
7	Nỗ lực, kiên trì, vượt qua khó khăn trong học tập	3,92	0,88	7
8	Biểu hiện khác....		0,71	3

Theo kết quả nghiên cứu, các biểu hiện của động lực học tập bên trong của SV chủ yếu đạt mức trung bình (thấp nhất là 2,51 và cao nhất là 4,15). Độ lệch chuẩn thấp (0,37-0,88), chứng tỏ các ý kiến trả lời tập trung, độ tin cậy cao. Vài biểu hiện động lực học tập của SV đạt mức khá cao là tham dự học trên lớp theo thời khóa biểu (4,15), nỗ lực vượt qua khó khăn trong học tập (3,92). Còn các biểu hiện của tính tự giác, tích cực, chủ động học hỏi, mở rộng đào sâu kiến thức, tự vận dụng, thực hành đạt mức thấp. SV cố gắng thực hiện các nhiệm vụ bình thường, bắt buộc, còn những yêu cầu khó, nâng cao đòi hỏi sự

huy động trí tuệ, sự sáng tạo, SV ít cố gắng thực hiện tốt. Các mức độ biểu hiện động lực học tập trên đã thêm thông tin chứng tỏ SV hiện nay học tập do động lực bên ngoài chi phối mạnh, chiếm ưu thế hơn động lực bên trong, cần có biện pháp giáo dục nâng cao.

2.2.4. Thực trạng mức độ các yếu tố ảnh hưởng động lực học tập của sinh viên

Động lực học tập của SV chịu ảnh hưởng rất nhiều yếu tố. Khai thác tốt các tác động chi phối, ảnh hưởng sẽ giúp SV có động lực học tập tốt hơn. Thực trạng vấn đề này được khảo sát và trình bày kết quả ở Bảng 4 như sau :

Bảng 4. Mức độ các yếu tố ảnh hưởng động lực học tập của sinh viên

TT	Nội dung	Mức độ		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	SV (nhu cầu, hứng thú, năng lực, vai trò chủ động, tích cực)	3,03	0,82	2
2	Phẩm chất, năng lực dạy học của GV	4,11	0,94	6
3	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	3,82	0,77	5
4	Phương tiện, điều kiện, môi trường học tập	3,75	0,72	4
5	Cách kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập	3,70	0,71	3
6	Bạn học cùng lớp, học nhóm	3,02	0,46	1
7	Khen thưởng, động viên	3,03	0,64	2
8	Cha mẹ, gia đình	3,75	0,76	4
9	Khác.....			

Như vậy, tất cả các yếu tố đều ảnh hưởng lớn đến động lực học tập của SV Sư phạm Mỹ thuật. Trong đó, yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất là phẩm chất, năng lực dạy học của GV (4,11). Kế tiếp là phương pháp, hình thức (3,82), phương tiện (3,75) và kiểm tra, thi. Mặc dù, kết quả nghiên cứu phần nào cho thấy SV chưa nhận thức đúng vai trò chủ thể, yếu tố bên trong của bản thân trong tạo động lực học tập, kết quả thấp nhất (điểm trung bình 3,03). Kết quả nghiên cứu càng cho thấy rõ động lực học tập của SV còn phụ thuộc vào các yếu tố ảnh hưởng bên ngoài. Dùng sức mạnh của các yếu tố bên ngoài, đặc biệt là vai trò chủ đạo của GV trong thực hiện đổi mới toàn diện quá trình dạy học khoa học, nghệ thuật để kích bầy nhu cầu hứng thú, yêu thích, đam mê nghề nghiệp của SV, chuyển hóa động lực bên ngoài vào bên trong có ý nghĩa quan trọng nhất trong phát huy tối đa nội lực, động lực học tập tích cực của SV.

2.3. Một số biện pháp tạo động lực học tập cho sinh viên Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Đồng Tháp

2.3.1. Nâng cao nhận thức, niềm tin, tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên

Qua quá trình dạy học, hoạt động giáo dục, GV giúp SV nhận thức sâu sắc nghề dạy học là “nghề cao quý nhất, sáng tạo nhất”, có sứ mệnh thiêng liêng “trồng người” cho xã hội. Sự phát triển con người quyết định mọi sự phát triển (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...). Nhưng sự phát triển con người phụ thuộc vào hiệu quả lao động sư phạm của người thầy. Cho nên có thể nói người thầy quyết định mọi sự phát triển. Con người, dân tộc, đất nước có hưng thịnh, phát triển hay suy vong phụ thuộc công lao “trồng người” của họ. Hơn nữa, ngành Sư phạm Mỹ thuật là ngành đào tạo con người “thống trị tương lai”. Giá trị cao nhất không chỉ ở thành quả khoa học mà ở các sản phẩm của văn hóa, nghệ thuật. Bởi vì, theo

Pink (2008), “Bán cầu não phải (người tài năng nghệ thuật) sẽ thống trị tương lai. Từ đó, SV thấy được tầm quan trọng đặc biệt của người giáo viên mỹ thuật - sứ mệnh giáo dục đào tạo con người tương lai. SV tự hào học nghề Sư phạm Mỹ thuật, yêu nghề, yêu người, tích cực học tập, rèn luyện để phụng sự, hoàn thành sứ mệnh của mình với sự phát triển con người cho xã hội, thời đại.

2.3.2. Thể hiện vai trò “kỹ sư tâm hồn” của giảng viên Mỹ thuật

GV cần có năng lực, có thành quả sáng tạo trong nghề, lòng yêu nghề, yêu thương SV, tận tâm khơi nguồn động lực, truyền nghề cho SV. GV cần có năng lực thu thập xử lý thông tin có đầy đủ sự hiểu biết về đổi mới quá trình dạy học Mỹ thuật; lập kế hoạch, “thiết kế” các hoạt động dạy học khoa học, nghệ thuật với những chiến lược, chiến thuật tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm tạo nên sản phẩm học tập chất lượng, thú vị; đạo diễn, tổ chức, điều khiển để SV “thi công”, tự tổ chức hoạt động học, tự thực hành, trải nghiệm học tập hiệu quả. GV cần quan tâm truyền nghề, chuyển giao năng lực, khơi dậy tinh thần chủ động học hỏi, tích cực hoạt động, tạo ra sản phẩm học tập có chất lượng cao. GV chia sẻ kinh nghiệm học tập, rèn luyện phát triển năng lực, phẩm chất nghề thông qua quá trình tổ chức dạy học, giáo dục SV. Qua trải nghiệm học, thực hành, SV tạo nên sản phẩm, tự kiến trúc, kiến tạo nên các phẩm chất, năng lực nghề của bản thân. Đặc biệt là SV cần rèn luyện phát triển năng lực tự làm thầy, tự học, tự giáo dục, tự xã hội hóa, tự phát triển bản thân suốt đời.

2.3.3. Đổi mới chương trình, phương pháp, hình thức đào tạo sinh viên Sư phạm Mỹ thuật

Chuẩn đầu ra cần xác định hệ thống phẩm chất, năng lực nghề cụ thể, thiết thực. Chương trình cần được xây dựng cơ bản, trọng tâm, khoa học, mở, cập nhật, hiện đại hóa, thiết thực, khả thi, hấp dẫn SV. GV cần phối hợp đa dạng phương pháp, hình thức dạy học hiện đại phù hợp với SV. Các hình thức, phương pháp tổ chức dạy học cần được sử dụng phối hợp phong phú nhất là tham quan, thực hành, thực địa, ngoại khóa, triển lãm, thi sáng tác... Nhà trường, Khoa chuyên môn cần nối kết với các cơ quan tổ chức sự kiện, hoạt động chuyên môn, tạo điều kiện cho SV tham gia, trải nghiệm học hỏi thực tiễn. Các phương pháp, hình thức cần sử dụng theo quy trình, kỹ thuật hiệu quả, linh hoạt, sáng tạo nhằm phát huy tối đa vai trò chủ thể tích cực học tập, thực hành trải

những các năng lực nghề nghiệp cho SV.

2.3.4. Huy động nguồn lực cho tổ chức dạy học theo hướng trải nghiệm thực tiễn nghề

Nhà trường cần thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục để huy động nguồn lực, cơ sở vật chất, phương tiện hiện đại để phục vụ tốt cho dạy và học hiệu quả. Bởi vì, tài lực, vật lực càng được huy động nhiều về số và chất lượng thì hiệu quả hoạt động trải nghiệm năng lực thực tiễn nghề nghiệp SV sẽ càng cao. Vì vậy, lãnh đạo trường, khoa chuyên môn cần có kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá dạy học theo hướng trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp chính khóa và qua các hoạt động ngoại khóa. Nhà trường cần huy động tốt tài lực, vật lực của trường và nối kết các cơ quan ban ngành, đơn vị sử dụng dụng lao động để tổ chức phong phú các loại hình hoạt động trải nghiệm thực tiễn nghề cho SV. Khoa, tổ chuyên môn cần xây dựng mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm chuyên môn có hệ thống qua thực tiễn ghi âm, ghi hình ở trường phổ thông, hoạt động, sự kiện chuyên môn ở môi trường xã hội để SV trải nghiệm học thực tiễn gián tiếp ở quy mô rộng lớn. Sau đó, các thực tiễn điển hình, tiêu biểu được chọn tổ chức cho SV trải nghiệm học trực tiếp để phát triển các năng lực thực tiễn nghề.

2.3.5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá quá trình dạy học cho sinh viên Sư phạm Mỹ thuật

Thực hiện đánh giá kết quả dạy học theo quá trình, theo chuẩn năng lực thực tiễn nghề của SV theo các tiêu chí cụ thể, cả định tính và định lượng; Kênh đánh giá phong phú: nhận xét của tập thể SV, GV, quan sát hoạt động; trao đổi, trò chuyện, nghiên cứu sản phẩm hoạt động; GV cần đầu tư tâm trí cho nghệ thuật, chiến lược, chiến thuật nhận xét đánh giá. Vì đây là quá trình đặc biệt cho chuyển giao năng lực, truyền nghề của GV cho SV, huy động trí tuệ, sự sáng tạo tập thể hoàn thiện nâng cao thành quả học tập trải nghiệm của cá nhân. Chính quá trình cọ sát, tương tác các ý tưởng tạo nên đột phá sáng tạo cho các tác phẩm của SV. GV phản hồi kết quả dạy học tạo động lực kích thích SV nỗ lực tối đa, thăng hoa cảm xúc tích cực với hoạt động học tập; SV cần tạo dựng những thành công để nuôi dưỡng hứng thú, niềm tin, động lực học tập tích cực ngày càng phát triển.

Các biện pháp động lực học tập cho SV Sư phạm Mỹ thuật có mối quan hệ biện chứng, cần được thực hiện thống nhất, đồng bộ và có thể mở rộng nhiều biện pháp khác sẽ phát triển tốt động lực học tập ở SV.

3. Kết luận

Động lực học tập là những yếu tố thúc đẩy SV tiến hành hoạt động học nhằm thỏa mãn những nhu cầu, đạt mục tiêu học tập tốt. Có nhiều loại động lực như bên trong bên ngoài, khách quan, chủ quan, động lực quá trình và sản phẩm, động lực cá nhân và xã hội. Nhưng động lực bên trong, sự yêu thích, say mê hoạt động học tập, rèn luyện là quyết định sự phát triển các phẩm chất, năng lực nghề bền vững, suốt đời ở SV. Tạo động lực là sử dụng các biện pháp, các kỹ thuật tác động để kích thích hệ thống động cơ học tập, làm cho các động lực đó kích hoạt, chuyển hóa những kích thích bên ngoài thành động lực tâm lý bên trong thúc đẩy SV hoạt động học tập. Muốn người học có động lực học tập đúng đắn, GV cần thực hiện quá trình dạy học khoa học, nghệ thuật. Thực trạng hiện nay, SV chưa nhận thức đúng đắn tầm quan trọng động lực học tập. SV học tập do động lực bên ngoài chi phối nhiều hơn động lực bên trong. Có nhiều yếu tố chi phối động lực học tập của SV. Trong đó, tài đức của người GV, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá kết quả học tập bị chi phối nhiều nhất. Quá trình đào tạo, tổ chức hoạt động dạy học cho SV Su phạm Mỹ thuật cần thực hiện đổi mới toàn diện. Cụ thể là cần nâng cao phẩm chất, năng lực GV, đổi mới phương pháp, hình thức, phương tiện, đánh giá kết quả dạy học. Đặc biệt, GV cần thể hiện vai trò chủ đạo trong thực hiện quá trình dạy học khoa học, nghệ thuật để kích thích nhu cầu, hứng thú học tập ở SV, chuyển động lực học tập bên ngoài vào bên trong, SV yêu thích, đam mê học tập, rèn luyện phát triển các phẩm chất, năng lực nghề không ngừng cho bản thân.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ, H. T., Lâm, T. H., & Nguyễn, T. L. (2016). Các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên - ví dụ thực tiễn tại Trường Đại học Lạc Hồng. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Lạc Hồng, số 5*, 1- 6.
- Hoàng, T. M. N., & Nguyễn, T. K. (2016). Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số 46*, 107-115.
- Nguyễn, T. T. D. (2021). Tạo động lực học tập cho học sinh - Một năng lực cần thiết của giáo viên phổ thông đáp ứng giáo dục 4.0. *Tạp chí Khoa học giáo dục, số 43*, 1-5.
- Nguyễn, T. T. D. (2022). Động lực học tập của học sinh trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục, số 22*, 46-50.
- Phạm, M. H. (chủ biên). (2013). *Từ điển Bách khoa Tâm lý học, Giáo dục học Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Phan, T. T. P. (2020). Các yếu tố tác động đến động lực làm việc của giảng viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 5*, 34-38.
- Pink, D. H. (2022). *Động lực chèo lái hành vi*. NXB Hồng Đức.
- Pink, D. H. (2008). *Một tư duy hoàn toàn mới - bán cầu não phải sẽ thống trị tương lai*. NXB Lao động xã hội.